

**ĐẠI HỌC HUẾ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SỬ PHẠM**

**Trương Tiến Đạt**

**CUỘC CHIẾN  
CHỐNG MỸ NGĂN CHẶN  
ĐƯỜNG TRƯỜNG SƠN  
– ĐƯỜNG HỒ CHÍ MINH  
TRONG NHỮNG NĂM 1965-1973**

**TÓM TẮT  
LUẬN ÁN TIẾN SĨ  
LỊCH SỬ VIỆT NAM**

*Huế, 2026*

**ĐẠI HỌC HUẾ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

**Trương Tiến Đạt**

**CUỘC CHIẾN  
CHỐNG MỸ NGĂN CHẶN  
ĐƯỜNG TRƯỜNG SƠN  
– ĐƯỜNG HỒ CHÍ MINH  
TRONG NHỮNG NĂM 1965-1973**

**Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam  
Mã số: 9229013**

**Người hướng dẫn khoa học:  
PGS. TS. Hoàng Chí Hiếu  
PGS. TS. Trương Công Huỳnh Kỳ**

*Huế, 2026*

## MỞ ĐẦU

### 1. Lí do chọn đề tài

Đã thành quy luật, hậu phương luôn là một trong những nhân tố quyết định thắng lợi của chiến tranh. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975), hậu phương miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội (CNXH) được xác định là nhân tố *“quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng Việt Nam, đối với sự nghiệp thống nhất nước nhà”* [39, tr. 917].

Tuy nhiên, vấn đề cốt tử đặt ra là làm thế nào chuyển tải được khối sức mạnh toàn diện, mà căn bản nhất và trước hết chính là sức người, sức của từ hậu phương miền Bắc vào chiến trường miền Nam? Trong chỉ đạo và điều hành cuộc chiến tranh cách mạng, Bộ Chính trị Trung ương Đảng sớm quyết định mở đường chiến lược đưa sức mạnh của hậu phương lớn miền Bắc vào chiến trường miền Nam. Đại tướng Võ Nguyên Giáp, một trong số các vị lãnh đạo/chỉ huy/kiến trúc sư đầu tiên [60, tr. 304] của con đường, khẳng định: *“đó là một trong những nhân tố có ý nghĩa chiến lược quyết định đưa cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc ta đến thắng lợi hoàn toàn”* [20, tr. 18].

Bắt đầu khơi thông từ năm 1959, đến khi kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1975), một hệ thống vận tải chi viện mang tầm chiến lược và toàn diện đã được thiết lập, gồm: tuyến vận tải trên bộ vượt Trường Sơn, tuyến vận tải trên biển, tuyến đường ống xăng dầu, tuyến đường không và tuyến đường chuyên ngân. Trong đó, riêng tuyến đường trên bộ vượt Trường Sơn, với 5 trục dọc và 21 trục ngang đã trở thành *“một trận đồ bát quái gồm những mạng lưới đường xuyên qua rừng rậm”* [157, p. 46]. Nhận thấy vai trò to lớn của đường Trường Sơn đối với sự phát triển của cách mạng miền Nam có thể đe dọa trực tiếp đến sự sụp đổ của chế độ Việt Nam Cộng hoà (VNCH), đế quốc Mỹ đã tiến hành cuộc chiến tranh ngăn chặn quy mô lớn. Nhà Trắng huy động gần như tổng lực sức mạnh của nền công nghiệp và những bộ óc hàng đầu về chính trị, quân sự, khoa học, kỹ thuật, công nghệ cùng cỗ máy quân sự khổng lồ. Cuộc chiến ngăn chặn đường Trường Sơn được Nhà Trắng đẩy lên đến đỉnh cao từ cuối năm 1968, khi triển khai loại hình chiến tranh công nghệ cao trên quy mô lớn. Nhà

Trắng đã huy động cỗ máy chiến tranh khổng lồ của mình gồm hầu hết các quân chủng, binh chủng: Thủy quân lục chiến, bộ binh, quân dù, không quân (không quân chiến lược, không quân hải quân, không quân thủy quân lục chiến), pháo binh, công binh, biệt kích, thám báo,... Riêng lực lượng không quân được huy động ở mức cao từ các sân bay thuộc vùng I chiến thuật, Tân Sơn Nhất, Guam, Okinawa và các căn cứ trên đất Thái Lan, với nhiều vũ khí và phương tiện chiến tranh hiện đại: các thiết bị trinh sát điện tử, máy bay trinh sát điện tử, máy bay cường kích trang bị những thiết bị công nghệ cao, hệ thống chuyển tiếp trên không, hệ thống hướng dẫn phía trước, pháo 175 mm (“vua chiến trường”), các loại bom mìn thế hệ mới (bom chùm, bom laser, bom từ trường), sử dụng hóa chất khai quang, thậm chí tiến hành cả biến đổi khí tượng, những phương pháp tác chiến – tiếp vận phức tạp, ... Tất cả kết hợp thành hệ thống liên hoàn, có khả năng phát hiện mọi loại xâm nhập, mọi phương tiện vận tải trên đường Trường Sơn dưới sức hủy diệt lớn của nhiều loại bom đạn. Đường Trường Sơn thực sự trở thành “phòng thí nghiệm” khổng lồ của sức mạnh ngăn chặn Mỹ.

Để đảm bảo mạch máu giao thông vận tải không ngừng tuôn chảy, dưới sự lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng, sự phối hợp của nhiều Bộ, ban ngành và các địa phương, sự hỗ trợ của bạn bè quốc tế, sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc đã được huy động cao độ. Bằng trí tuệ của tập thể, tinh thần chiến đấu dũng cảm, lao động quên mình, bất chấp mọi hi sinh, các lực lượng trên đường Trường Sơn đã luôn “đánh địch mà đi, mở đường mà tiến!”, “đường không thông, không tiếc máu xương”, để thực hiện trọn vẹn nhiệm vụ của tuyến chi viện chiến lược, góp phần to lớn vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Đường Trường Sơn trở thành con đường huyền thoại – một kì công chiến lược về cuộc chiến đấu chống ngăn chặn, hiện thân của lòng yêu nước, ý chí quật cường của Nhân dân Việt Nam và cũng chính là một biểu trưng sáng ngời cho khát vọng thống nhất đất nước. Từ thắng lợi của cuộc chiến chống Mỹ ngăn chặn đường Trường Sơn có thể rút ra được nhiều bài học kinh nghiệm quý báu trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay.

Vì vậy, nghiên cứu về đường Trường Sơn, tiếp cận từ góc độ cuộc chiến tranh ngăn chặn và chống ngăn chặn là việc làm thực sự có ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn.

*Về ý nghĩa khoa học:* Luận án là công trình khoa học đầu tiên nghiên cứu một cách chuyên sâu, có hệ thống và khá toàn diện về cuộc chiến ngăn chặn của Mỹ đối với đường Trường Sơn và cuộc chiến đấu chống ngăn chặn của bộ đội Trường Sơn nhằm đảm bảo chi viện chiến lược trong những năm 1965-1973; từ đó rút ra đặc điểm và ý nghĩa lịch sử.

*Về ý nghĩa thực tiễn:* Luận án rút ra những bài học kinh nghiệm góp phần vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay; đồng thời cung cấp nguồn tư liệu khoa học bổ sung cho công tác nghiên cứu, bảo tồn các di tích lịch sử của đường Trường Sơn và hoạt động giáo dục lịch sử, nhất là đối với thế hệ trẻ.

Với ý nghĩa đó, tôi lựa chọn đề tài “**Cuộc chiến chống Mỹ ngăn chặn đường Trường Sơn – đường Hồ Chí Minh trong những năm 1965-1973**” làm Luận án Tiến sĩ Sử học, ngành Lịch sử Việt Nam.

## **2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

### **2.1. Mục đích nghiên cứu**

Tái hiện toàn cảnh về cuộc chiến ngăn chặn và chống ngăn chặn trên đường Trường Sơn (1965-1973). Từ đó, rút ra đặc điểm, ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm.

### **2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

(1) Suu tầm và hệ thống hóa nguồn tư liệu từ đó đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu. (2) Hình thành các luận đề khoa học: (i) Bối cảnh ra đời và sự phát triển của đường Trường Sơn; (ii) Mục đích và những thủ đoạn Mỹ tiến hành ngăn chặn đường Trường Sơn (1965-1973); (iii) Chủ trương của phía Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (Việt Nam DCCCH) và các giải pháp chống Mỹ ngăn chặn đường Trường Sơn. (3) Rút ra nhận xét về đặc điểm, ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### **3.1. Đối tượng nghiên cứu**

Cuộc chiến chống Mỹ ngăn chặn của các lực lượng Trường Sơn (1965-1973) gồm các lực lượng vũ trang, thanh niên xung phong, dân công hỏa tuyến hoạt động trên đường Trường Sơn và Nhân dân địa phương nơi tuyến đường đi qua.

#### **3.2. Phạm vi nghiên cứu**

– *Về không gian*: Tập trung nghiên cứu những trọng điểm ngăn chặn và chống ngăn chặn điển hình tại các cửa khẩu nhập tuyến vào phía Tây Trường Sơn, địa bàn phía Nam và Bắc trục đường 9, cùng khu vực Trung – Nam Lào.

– *Về thời gian*: Từ ngày 3-4-1965 đến ngày 22-2-1973.

– *Về nội dung*: Với nghiên cứu này, luận án tập trung chuyên sâu vào vai trò của bộ đội Trường Sơn – lực lượng trọng yếu tiến hành cuộc chiến chống Mỹ ngăn chặn và hình thức chống ngăn chặn. Nội dung cụ thể gồm: Củng cố và phát triển lực lượng với trọng tâm là công tác giáo dục chính trị – tư tưởng, tổ chức lực lượng và đảm bảo đời sống cho lực lượng toàn tuyến. Phát triển thế trận chống Mỹ ngăn chặn toàn diện với việc đảm bảo hệ thống giao thông, đa dạng hóa phương thức vận tải, thực hiện nguy trang, nghi binh, phối hợp cùng cách mạng Lào, Campuchia và tổ chức đánh trả kết hợp chủ động tiến công.

### **4. Nguồn tư liệu và phương pháp nghiên cứu**

#### **4.1. Nguồn tư liệu nghiên cứu**

(i) Tài liệu lưu trữ của Việt Nam DCHH và Việt Nam Cộng hòa (VNCH). (ii) Các công trình đã xuất bản và những bài nghiên cứu được công bố trên các tạp chí chuyên ngành (tiếng Việt/Anh). (iii) Nguồn tư liệu từ phỏng vấn nhân chứng, hồi kí, ảnh tư liệu và internet.

#### **4.2. Phương pháp nghiên cứu**

Luận án sử dụng phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử. Luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu: lịch sử, logic, phân loại, phê bình sử liệu, phân tích, so sánh lịch sử, đối chiếu tư liệu, thống kê, phỏng vấn nhân chứng, chuyên gia và tổng hợp, đánh giá.

## 5. Đóng góp của luận án

(i) Là công trình nghiên cứu khoa học có hệ thống về cuộc chiến ngăn chặn và chống ngăn chặn đường Trường Sơn (1965-1973) làm rõ mục đích Mỹ tiến hành ngăn chặn, những thủ đoạn ngăn chặn và tái hiện cuộc chiến chống Mỹ ngăn chặn của bộ đội Trường Sơn, tập trung tại các trọng điểm/cụm trọng điểm điển hình. (ii) Rút ra đặc điểm, ý nghĩa lịch sử của cuộc chiến ngăn chặn và chống ngăn chặn đường Trường Sơn (1965-1973). (iii) Rút ra những bài học kinh nghiệm góp phần vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. (iv) Góp phần nghiên cứu chuyên sâu hơn về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975); bổ sung nguồn tư liệu cho công tác nghiên cứu, bảo tồn các di tích lịch sử liên quan đường Trường Sơn và tham vấn cho hoạt động giáo dục lịch sử, nhất là đối với thế hệ trẻ.

## 6. Bố cục của luận án

Ngoài các phần mở đầu (8 trang), kết luận (6 trang), tài liệu tham khảo (23 trang) và phụ lục, nội dung chính dài 115 trang, gồm 4 chương: “**Chương 1.** Tổng quan vấn đề nghiên cứu” (14 trang); “**Chương 2.** Mỹ tiến hành ngăn chặn đường Trường Sơn (1965-1973)” (35 trang); “**Chương 3.** Hoạt động chống đế quốc Mỹ ngăn chặn đường Trường Sơn (1965-1973)” (43 trang) và “**Chương 4.** Một số nhận xét và bài học kinh nghiệm” (23 trang).

## NỘI DUNG

### CHƯƠNG 1

## TỔNG QUAN VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

### 1.1. Vấn đề nghiên cứu

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975), đường Trường Sơn là hệ thống vận tải chiến lược có ý nghĩa lớn với cách mạng miền Nam. Bởi vậy, Mỹ và chính quyền VNCH tiên liệu nếu không ngăn chặn được tuyến đường thì hệ lụy khôn lường. Trong giai đoạn 1965-1973, Mỹ đã huy động sức mạnh khổng lồ để ngăn chặn đường Trường Sơn. Có đảm bảo giao thông vận tải thông suốt, chiến đấu và giành chiến thắng trước cuộc chiến tranh ngăn chặn này, bộ đội Trường Sơn mới hoàn thành nhiệm vụ chiến lược. Do đó, nghiên cứu về cuộc chiến đấu chống Mỹ ngăn chặn đường Trường Sơn do bộ đội Đoàn 559 đảm nhiệm chính (1965-1973) mang ý nghĩa thiết thực góp phần làm sáng tỏ một số nội dung các công trình trước đây còn bỏ ngỏ.

### 1.2. Tình hình nghiên cứu

#### 1.2.1. Về cuộc chiến ngăn chặn của Mỹ đối với đường Trường Sơn

Còn ít công trình trong nước tiếp cận theo khía cạnh này hoặc tiếp cận chưa hệ thống. Chủ yếu có các công trình nước ngoài còn thiên về hoạt động của không quân, chiến tranh công nghệ cao, lực lượng biệt kích, thám báo và sử dụng hóa chất.

#### 1.2.2. Về cuộc chiến đấu chống Mỹ ngăn chặn đường Trường Sơn và đảm bảo sự thông suốt của tuyến đường

Có nhiều công trình trong nước mang tính khái quát cao hoặc chuyên về các lực lượng binh chủng thuộc bộ đội Trường Sơn là chủ yếu.

#### 1.2.3. Về vai trò và ý nghĩa của cuộc chiến chống Mỹ ngăn chặn đường Trường Sơn đối với công cuộc thống nhất đất nước

Đa số là các công trình mang tính tổng luận, việc phân tích vai trò và nêu bật ý nghĩa của khía cạnh này chưa được đi sâu.

### **1.3. Kết quả nghiên cứu và những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu**

Tính đến nay, nghiên cứu về đường Trường Sơn không phải là chủ đề mới. Tuy nhiên, khía cạnh về hiệu quả của cuộc chiến chống ngăn chặn chưa được nghiên cứu đầy đủ. Dù vậy, các công trình đó là nguồn tư liệu tham khảo cần thiết, cung cấp thêm cơ sở khách quan cho việc nghiên cứu luận án.

Từ những trình bày trên, *tác giả luận án nhận thấy vẫn còn những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu và mạnh dạn đi sâu nghiên cứu, làm rõ, nhất là trong những năm 1965-1973 khi cuộc chiến ngăn chặn và chống ngăn chặn diễn ra ác liệt nhất*, đó là: (i) Luận giải mục đích Mỹ tiến hành ngăn chặn đường Trường Sơn. (ii) Tái hiện về cuộc chiến ngăn chặn của Mỹ đối với đường Trường Sơn (1965-1973). (iii) Tái hiện về cuộc chiến đấu chống ngăn chặn đường Trường Sơn trong những năm 1965-1973. (iv) Rút ra đặc điểm, ý nghĩa lịch sử, bài học kinh nghiệm của cuộc chiến ngăn chặn và chống ngăn chặn đường Trường Sơn (1965-1973).

## CHƯƠNG 2

### MỸ TIỀN HÀNH NGĂN CHẶN ĐƯỜNG TRƯỜNG SƠN (1965-1973)

#### 2. Bối cảnh lịch sử

##### 2.1.1. Bối cảnh quốc tế và chiến lược ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản của Mỹ

Sau Chiến tranh thế giới lần thứ 2, ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản là mục tiêu số một của Mỹ. Việt Nam là mối quan tâm ngăn chặn hàng đầu của Mỹ ở Đông Nam Á. Khối xã hội chủ nghĩa dần xuất hiện sự bất đồng giữa Liên Xô và Trung Quốc.

##### 2.1.2. Yêu cầu chi viện cho cách mạng miền Nam Việt Nam sau Hiệp định Genève

Cách mạng miền Nam gặp nhiều khó khăn. Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng vạch rõ con đường cho cách mạng miền Nam. Trước tình hình Vĩ tuyến 17 trở thành giới tuyến quân sự tạm thời, con đường nào để chi viện từ miền Bắc vào miền Nam trở thành vấn đề cấp thiết. Trong lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam, những con đường đi qua địa bàn rừng núi Trường Sơn có vai trò lưu thông sức người, sức của rất quan trọng. Những năm kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), các tuyến đường giao liên men theo dãy Trường Sơn ra đời, góp phần kết nối nhiều khu căn cứ kháng chiến trên cả nước và ở cả địa bàn Trung – Hạ Lào hay Đông Bắc Campuchia. Đây là những tiền đề gợi ý việc mở đường trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Đường Trường Sơn ra đời là sự tất yếu.

##### 2.1.3. Hoạt động chi viện trên đường Trường Sơn trước năm 1965

Trong vòng 5 năm (1959-1964), từ những khảo sát ban đầu, Đoàn 559 đã tổ chức gửi thồ, tiến lên kết hợp mở đường ô tô dã chiến và vận tải đường sông trên chặng đường dài gần 2.000 km. Đoàn 559 đã giao cho các chiến trường 2.912 tấn hàng và đảm bảo cho hơn 12.000 cán bộ, chiến sĩ qua tuyến vào chiến trường. Từ 500 cán bộ, chiến sĩ, Đoàn 559 đã có quân số hơn 8.000 [34, tr. 129]. Từ vận tải thô sơ bước đầu kết hợp và phát triển vận tải cơ giới ở quy mô trung đoàn, bước đầu xây dựng nên lực lượng hợp thành gồm vận tải – bộ binh – công

binh – phòng không. Nếu như vào năm 1964, trên đường Trường Sơn, một số đơn vị cấp trung đoàn đã được đưa vào chiến trường miền Nam, thì sang 1965, Sư đoàn 325B, 7 trung đoàn bộ binh, hàng chục tiểu đoàn pháo binh, công binh và các binh chủng khác đã hành quân qua tuyến, vào đến Khu 5 và Tây Nguyên. Sự phát triển của tuyến vận tải quân sự chi viện chiến lược Trường Sơn và lực lượng Đoàn 559 giai đoạn này góp phần vào sự “chuyển mình” của cách mạng miền Nam. Có thể khẳng định sự phát triển của đường Trường Sơn cho đến trước năm 1965 là tiền đề căn bản chuẩn bị cho các bước phát triển ở giai đoạn tiếp theo của nhiệm vụ vận tải quân sự chi viện chiến lược.

## **2.2. Cuộc chiến ngăn chặn của Mỹ đối với đường Trường Sơn**

### **2.2.1. Mục đích ngăn chặn**

Mỹ tập trung nguồn lực vào đánh phá đường Trường Sơn nhằm “*cắt đứt chi viện của hậu phương lớn, củng cố vị trí Mỹ và phái hữu Lào, cô lập cách mạng miền Nam (TG nhấn mạnh)*” và buộc Hà Nội gánh chịu “*cái giá phải trả*”, qua những “*đòn đánh*” này giúp ổn định tình hình VNCH, nâng cao tinh thần quân đội Sài Gòn để tiếp tục cuộc chiến tranh [107, tr. 370; 169, p. 103]. Trong những năm 1965-1973, Mỹ khẳng định: “*việc ngăn chặn đã trở thành một chiến dịch chủ yếu nhằm bịt đường mòn Hồ Chí Minh và các đường tiếp tế lớn khác của đối phương (Việt Nam DCCCH – TG)*” [29, tr. 244]. Xét trên cục diện tình hình Lào, Mỹ còn muốn “*lấn chiếm và đánh phá vùng giải phóng, nhất là ở khu vực Trung và Hạ Lào, nhằm ngăn chặn đường vận chuyển chiến lược của ta (Việt Nam DCCCH - TG)*”. Đối với Campuchia, Mỹ toan tính đánh bật Việt Nam DCCCH “*ra khỏi Campuchia, tiêu diệt phong trào cách mạng Campuchia, nhanh chóng thành lập phòng tuyến chiến lược mới ở Đông - Nam Á để ngăn chặn phong trào cách mạng*” [45, tr. 224-225].

### **2.2.2. Những thủ đoạn ngăn chặn**

Từ giữa những năm 1960, Mỹ từng bước huy động nguồn lực lớn và tiến hành nhiều thủ đoạn ngăn chặn đường Trường Sơn. Giai đoạn 1965-1968, Mỹ cho máy bay đánh phá ác liệt tại các trọng điểm/cụm trọng điểm chủ yếu ở những cửa khẩu nhập tuyến sang Tây Trường Sơn, khu vực phía Bắc, Nam đường 9 và Trung – Hạ Lào. Kể từ cuối năm 1968, với việc thiết lập

hàng rào điện tử Mc Namara, thực hiện chương trình Igloo White, Mỹ chính thức triển khai chiến trường điện tử – tự động hóa nhằm tăng hiệu quả cuộc chiến tranh ngăn chặn đường Trường Sơn. Hệ thống cảm biến điện tử được cài cắm trên đường Trường Sơn thực chất là phương tiện thu thập tin tức tình báo ở trình độ công nghệ cao. Với hệ thống tiếp nhận, xử lý nguồn tin tức này từ máy bay chuyên dụng đến Trung tâm điều hành ở Nakhon Phanom (Thái Lan) và các máy bay đánh phá, Mỹ tạo nên một mạng lưới khép kín, liên hoàn trong cách thức ngăn chặn tinh vi và hiện đại bậc nhất thời bấy giờ.

Cũng từ cuối năm 1968, Mỹ điều chỉnh kế hoạch đánh phá bằng không quân với việc triển khai lực lượng máy bay hoạt động theo mùa vận chuyển trên đường Trường Sơn. Không những vậy, Mỹ còn sử dụng các chất hóa học với thông qua hoạt động phun rải chất độc khai quang (Ranch Hand) và thực hiện cả chương trình biến đổi khí tượng đầy tinh vi (Popeye và Commando Lava). Bên cạnh việc sử dụng máy bay cho các hoạt động ngăn chặn nêu trên, máy bay Mỹ còn cho tiến hành thả hàng triệu tờ truyền đơn để thực hiện tâm lý chiến. Đối với việc sử dụng lực lượng mặt đất, Mỹ tiến hành các hoạt động quy mô nhỏ (thảm báo, biệt kích); cũng như tổ chức nhiều cuộc hành quân nóng lẩn ở nhiều quy mô. Điển hình nhất là cuộc hành quân Lam Sơn 719 với sự huy động lớn về nguồn lực và tham vọng của chiến dịch. Đường Trường Sơn vì vậy trở thành một chiến trường của cuộc chiến tranh ngăn chặn mang quy mô toàn diện, có tính chất tổng lực, với sự tinh vi và khốc liệt chưa từng có. Khối phức hợp thách thức đó là chương ngại cực kì lớn đối với bộ đội Trường Sơn trong cuộc chiến đấu chống Mỹ ngăn chặn (1965-1973).

### CHƯƠNG 3

## HOẠT ĐỘNG CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ

## NGĂN CHẶN ĐƯỜNG TRƯỜNG SƠN

(1965-1973)

#### 3.1. Chủ trương và sự chỉ đạo của Đảng

Đẩy mạnh tác chiến, củng cố địa bàn vững mạnh toàn diện, phối hợp chặt chẽ cùng các chiến trường và phát động mọi lực lượng trên tuyến chống ngăn chặn với hình thức đa dạng, có hiệu quả. Để quán triệt và hiện thực hóa các chỉ đạo của Đảng, việc nghiêm túc lựa chọn và bố trí cán bộ phụ trách từ Đảng ủy – Bộ Tư lệnh Đoàn 559 đến đầu mối các Tuyến, Binh trạm và mỗi đơn vị được chú trọng hàng đầu. Nguồn cán bộ của Đoàn đều có đạo đức cách mạng, phẩm chất và năng lực công tác, được Bộ Tổng Tư lệnh điều động, bổ sung từ các cơ quan, đơn vị phía Bắc, cơ quan của Bộ Quốc phòng, các quân – binh chủng và cả cán bộ dân – chính – Đảng. Để phát triển nội bộ, Đảng ủy – Bộ Tư lệnh Đoàn 559 ban hành nghị quyết chuyên đề về công tác cán bộ, luôn chú trọng bồi dưỡng nguồn cán bộ cấp trung đoàn, sư đoàn và tương đương ở trình độ chỉ huy hiệp đồng binh chủng. Sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và Quân ủy Trung ương luôn được Đảng ủy – Bộ Tư lệnh Đoàn cụ thể hóa thông các Nghị quyết hành động, hay việc kịp thời nắm bắt tình hình thực tiễn. Trên cơ sở đó, Đảng ủy – Bộ Tư lệnh Đoàn có hướng chỉ đạo giải quyết nhanh chóng trước tình hình đánh phá ác liệt của Mỹ. Không những vậy, việc điều chỉnh, rút kinh nghiệm sau mỗi đợt chiến dịch vận tải hay “Tổng công kích” đều diễn ra suốt mùa vận chuyển nhằm nâng cao chất lượng hoạt động toàn tuyến.

#### 3.2. Bộ đội Trường Sơn củng cố và phát triển lực lượng

Thực hiện đồng bộ và hiệu quả công tác giáo dục chính trị – tư tưởng, tổ chức lực lượng vững chắc, đảm bảo số lượng và chất lượng, đảm bảo đời sống cho lực lượng toàn tuyến và phối hợp chặt chẽ với cách mạng Lào và Campuchia. Nhìn chung, nếu quy ước tổng quân số của Đoàn 559 năm 1965 là 1 để so sánh thì cứ sau mỗi năm (tính đến năm 1973), con số này đều có sự tăng trưởng. Năm 1968 tăng lên gấp 2,3 lần. Những năm 1969-1973, tỉ lệ tăng mạnh. Điển hình như năm 1971 gấp 4,9

lần; năm 1972 gấp 5,4 lần và năm 1973 đến 6 lần [79, tr. 274-276]. Xu hướng chung về biên chế quân số mỗi lực lượng thuộc bộ đội Trường Sơn cũng đều phát triển qua từng năm. Tính trung bình, quân số vận tải được cân đối ở mức 21,72% và lực lượng chiến đấu bảo đảm là 54,82% [16, tr. 578-579]. Về cơ bản, độ chênh lệch biên chế tổ chức sau mỗi năm không lớn. Điều này vừa củng cố lực lượng toàn Đoàn qua từng năm, vừa tránh gây xáo trộn sự cân đối của toàn tuyến. Trên toàn tuyến, những năm 1965-1973, nổi bật lên với sự chuyển biến của hình thái tổ chức và phát triển lực lượng từ cấp tuyến, lên binh trạm. Khi trưởng thành hơn nữa về khâu tổ chức, bộ đội Trường Sơn kịp thời phát triển lên mô hình tổ chức Sư đoàn Khu vực. Bên cạnh đó, luôn có sự kết hợp giữa lực lượng tại chỗ với lực lượng cơ động. Lực lượng tại chỗ là các binh trạm được biên chế các binh chủng theo quy định. Lực lượng cơ động là những trung đoàn/sư đoàn binh chủng chuyên môn thực hiện nhiệm vụ trên các địa bàn theo yêu cầu cấp bách cụ thể. Hai lực lượng này tương hỗ nhau trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chi viện chiến lược và chống ngăn chặn [69, tr. 90]. Để đánh thắng cuộc chiến ngăn chặn của Mỹ và đẩy mạnh chi viện chiến lược, bộ đội Trường Sơn còn chú trọng đẩy mạnh hoạt động của lực lượng quân y, giao liên nhằm chăm sóc chất lượng nguồn lực.

### **3.3. Bộ đội Trường Sơn phát triển thế trận chống Mỹ ngăn chặn**

Đó là thế trận chiến tranh nhân dân với sức mạnh tổng hợp, biến hóa và bền bỉ; đảm bảo hệ thống giao thông vững chắc, đa dạng hóa hệ thống vận tải; nguy trang, nghi binh xuất sắc; phối hợp chặt chẽ với cách mạng Lào, Campuchia; tổ chức tiến công hiệp đồng binh chủng nhuần nhuyễn, chủ động đánh trả, tiến công sắc bén và giành thắng lợi cuối cùng.

Trong đó, sự phát triển của các trục đường dọc, đường ngang và đường tránh đều có xu hướng tăng theo 3 mốc các năm khi đối chiếu với từng loại đường này (1965-1966, 1967-1968 và 1971-1972). Tỷ lệ đường tránh so với đường dọc và đường ngang có xu hướng tăng phản ánh việc nâng cấp hệ thống giao thông đáp ứng các yêu cầu khách quan trong vận tải chi viện chiến lược, nhất là trước sự ngăn chặn ác liệt càng về sau của Mỹ.

Về đa dạng hóa phương thức vận tải: Cùng với nòng cốt là vận tải bằng xe cơ giới với nhiều chiến thuật biến hóa, trong những năm 1969-1973, khi cuộc chiến ngăn chặn và chống ngăn chặn trở nên ác liệt hơn, việc che giấu, bảo toàn lực lượng trên tuyến Trường Sơn càng trở nên quan trọng. Vận tải đường thủy và vận tải đường ống xăng dầu trên Trường Sơn là hai phương thức khác được quan tâm thực hiện, phối hợp. Trên cơ sở tìm hiểu, khảo cứu và nắm khá vững các quy luật tự nhiên, bộ đội Trường Sơn từng bước “khắc chế” và “khai thác” dòng chảy của nước như một phương tiện hữu hiệu cho vận tải đường thủy (sông, suối). Các tuyến kênh/đập bằng cọc tre, bằng đất đá, lưới để phân chia và điều phối dòng nước cũng như nguồn hàng là những nỗ lực sáng tạo lớn của bộ đội Trường Sơn. Không những vậy, sự sáng tạo trong việc triển khai vận tải bằng đường ống xăng dầu cũng khiến Mỹ bất ngờ. Sự phát triển của tuyến đường ống góp thêm vào thế tiến công trong cục diện chung một mũi đột kích độc đáo. Khi đưa tuyến đường ống xăng dầu vào vận hành đã giảm việc chuyên chở bằng các cách thức khác trước đó từng gặp phải không ít nguy hiểm và tổn thất. Xăng dầu được đảm bảo giúp tăng từ 25-30% tổng số phương tiện cơ giới phục vụ vận chuyển. Phương thức này chứng tỏ sự ưu việt hơn hẳn mọi biện pháp khác trước đó. Thực tế trong chiến đấu, nguy trang và nghi binh đã trở thành một phương thức chống Mỹ ngăn chặn, vừa góp phần bảo toàn lực lượng trên tuyến, vừa góp phần nâng cao hiệu quả vận chuyển. Tác chiến hiệp đồng binh chủng với đặc thù của tuyến vận tải Trường Sơn lấy hạt nhân là hoạt động vận tải, các hoạt động của bộ đội công binh và lực lượng phòng không tạo thành bộ ba nòng cốt: xe-công-pháo. Thêm vào đó, các lực lượng khác cũng được tổ chức hợp lí, phối hợp nhịp nhàng để đạt mục tiêu chung trong nhiệm vụ chiến lược gắn với quá trình phối hợp cùng lực lượng cách mạng Lào và Campuchia.

Đối với công tác chỉ huy, trọng tâm là nắm vững nguyên tắc liên tục, trực tiếp trên cơ sở triển khai mạng thông tin vươn đến các cấp binh trạm, các trạm chỉ huy giao thông. Mạng thông tin vô tuyến sóng cực ngắn được bảo đảm tốt giữa các binh trạm với các chốt trọng điểm, những trận địa pháo và lực lượng bộ binh. Về trang bị khí tài thông tin cho toàn tuyến, nếu

quy ước năm 1965 tỉ lệ là 1 thì cơ bản sau từng năm (tính đến năm 1973), tỉ lệ này đều tăng. Diễn hình như năm 1968, khí tài thông tin gấp 17 lần. Đáng chú ý nhất, con số này vào từng năm 1971, 1972 và 1973 lần lượt tăng gấp 60 lần, ~67 lần và 76 lần [61, tr. 69; 79, tr. 274-276].

Tại đường Trường Sơn, nhiệm vụ phòng không là đòi hỏi bức thiết phải được giải quyết hàng đầu. Số liệu về biên chế pháo cao xạ và súng máy phòng không 12,7 mm phản ánh nỗ lực lớn trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ toàn tuyến. Nếu quy ước năm 1965, tổng số pháo cao xạ là 1 thì năm 1968 số này tăng gấp 3 lần. Đáng lưu ý, năm 1970, con số này tăng gấp 6,3 lần và cao nhất đến 8 lần vào năm 1972. Với súng máy 12,7 mm, quy ước số liệu năm 1965 là 1 thì đến năm 1968 đã tăng gấp 3,5 lần. Tiêu biểu nhất, năm 1970, 1971 và 1972 lần lượt tăng đến 4,4 lần, 4,5 lần và 5 lần [79, tr. 274-276].

Hệ thống “đường kín” ra đời tạo ra thế trận mới cho tuyến chi viện chiến lược, có chính diện vượt khẩu kéo dài 250 km, với 6 tuyến cắt ngang dãy Trường Sơn nối với Tây Trường Sơn. Trên “đường kín”, xe chạy suốt ngày đêm dưới những tán rừng già để tránh bị máy bay phát hiện và đánh phá (trừ khi đi qua suối cạn hay vượt suối qua các ngầm). Ban đêm, một số đoàn xe vẫn tiếp tục chờ hàng trên tuyến “đường hở”, kết hợp với việc nguy trang, nghi binh để đánh lừa AC-130, bẫy chúng vào khu vực cho bộ đội phòng không tiêu diệt. Tính đến ngày 30-1-1972, “đường kín” được thông toàn tuyến. Hiệu quả vận tải theo phương thức này chứng minh trong thực tế nhanh hơn từ 10-20 ngày so với trước. Kết quả vận chuyển mùa khô 1971-1972 là 72.441 tấn, đạt đến 145% so với chỉ tiêu. Đáng lưu ý, tuyến “đường kín” đã đảm nhiệm được 71% khối lượng xe và hàng hóa của kế hoạch vận chuyển cho cuộc tiến công chiến lược 1972 [34, tr. 192]. Trải qua quá trình chống Mỹ ngăn chặn (1965-1973), bộ đội Trường Sơn đã vượt lên những thử thách ác liệt và từng bước đánh bại các thủ đoạn của đối phương. Trong đó, việc đánh bại các cuộc hành quân, nòng lùn quy mô vừa và lớn; các hoạt động của thám báo, biệt kích; các trận đánh phá của máy bay với vũ khí, khí tài hiện đại bậc nhất bấy giờ, đặc biệt là khắc chế và làm phá sản sự tinh vi của chiến trường điện tử – tự động hóa là những điển hình.

Theo thống kê, trong những năm 1965-1973, bộ đội Trường Sơn đã loại khỏi vòng chiến đấu hơn 15.500 tên, bắn thiệt hại hơn 900 máy bay các loại của Mỹ [8, tr. 101]. Đó là chưa kể hết các hàng trăm loại vũ khí, cùng hàng ngàn khí tài hiện đại khác được Mỹ sử dụng trong cuộc chiến tranh ngăn chặn có quy mô lớn này vào đường Trường Sơn. Với sự thất bại trong các nỗ lực triển khai lực lượng trên bộ ở nhiều mức độ (mà đỉnh cao là chiến dịch Lam Sơn 719), cùng việc ngừng triển khai chiến dịch Commando Hunt VII (mùa khô 1971-1972), cũng như kết thúc tiến hành chiến dịch Igloo White (thực chất là loại hình tác chiến trình độ công nghệ cao của chiến trường điện tử), Mỹ đã gián tiếp thừa nhận về sự sụp đổ hoàn toàn của cuộc chiến ngăn chặn đường Trường Sơn.

Giữ vững, củng cố và phát triển mạnh tuyến vận tải quân sự chi viện chiến lược huyết mạch, bộ đội Trường Sơn đã vượt qua cuộc chiến tranh ngăn chặn của Mỹ, đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ hậu cần then chốt. Nếu như giai đoạn 2 (1965-1968), Đoàn 559 vận chuyển được khối lượng hàng hóa chi viện cho các chiến trường gấp 11,9 lần giai đoạn 1 (1959-1964). Giai đoạn 3 (1969-1972), con số này còn ấn tượng hơn nhiều lần: gấp 33 lần so với giai đoạn 2, và gấp đến 180 lần giai đoạn 1 [59, tr. 48-49]. Đó cũng chính là những số liệu gián tiếp phản ánh kết quả chiến đấu chống Mỹ ngăn chặn trong thực tiễn của bộ đội Trường Sơn. Đánh thắng cuộc chiến tranh ngăn chặn đường Trường Sơn còn gắn bó mật thiết với việc củng cố và mở rộng địa bàn hoạt động của tuyến vận tải quân sự chi viện chiến lược. Hệ thống này không những chi viện đặc lực cho sự phát triển và lớn mạnh của cách mạng miền Nam Việt Nam, mà còn là nguồn cung cấp hậu cần chiến lược trực tiếp cho cuộc đấu tranh cách mạng của Nhân dân Lào và Campuchia trong giai đoạn cuối 1973-1975.

## **CHƯƠNG 4**

### **MỘT SỐ NHẬN XÉT**

### **VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM**

#### **4.1. Đặc điểm**

Cuộc chiến diễn ra trên không gian rộng lớn, liên tục, ác liệt, với nhiều lực lượng tham gia; các biện pháp chống Mỹ ngăn chặn được thực hiện đa dạng và có sự đoàn kết chiến đấu của Nhân dân ba nước Đông Dương.

#### **4.2. Ý nghĩa lịch sử**

Bảo vệ một biểu tượng điển hình trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; hoàn thành nhiệm vụ vận tải quân sự chi viện chiến lược (VTQSCVCL), góp phần thu hút và tiêu hao sinh lực của đối phương; góp phần quan trọng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và góp phần xứng đáng vào sự phát triển vượt bậc của nghệ thuật quân sự Việt Nam.

#### **4.3. Bài học kinh nghiệm**

Quán triệt và vận dụng hiệu quả sự chỉ đạo của Đảng về tư tưởng tiến công trong nhiệm vụ VTQSCVCL; chú trọng nhân tố con người, tăng cường tổ chức và phát triển lực lượng đảm bảo thắng lợi nhiệm vụ VTQSCVCL; chủ động bám sát thực tiễn và đánh bại mọi âm mưu, thủ đoạn ngăn chặn hệ thống VTQSCVCL trong bối cảnh chiến tranh công nghệ cao; tăng cường củng cố khối đoàn kết liên minh Việt Nam – Lào – Campuchia.

## KẾT LUẬN

1. Để ngăn chặn sự chi viện từ miền Bắc cho cách mạng miền Nam, từ năm 1965, đế quốc Mỹ tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược mang tính toàn diện. Trong đó, đường Trường Sơn trở thành trọng điểm ngăn chặn. Sau Hiệp định Genève (21-7-1954), Vĩ tuyến 17 từng bước được Mỹ và VNCH xem là “đường biên giới” để thực hiện ý định lâu dài biến miền Nam Việt Nam thành một quốc gia riêng thuộc “thế giới tự do”. Vĩ tuyến 17 từ giới tuyến quân sự tạm thời trở thành nơi chia cắt đất nước. Điều đó tác động sâu sắc đến tâm tư, nguyện vọng của đại đa số đồng bào, cán bộ và chiến sĩ. Bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước chính là tiếp tục thực hiện cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tại miền Nam, cũng nhằm để bảo vệ nền độc lập của nước Việt Nam DCH.

Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng ra đời mở ra bước tiến mới cho đường hướng phát triển của cách mạng Việt Nam. Từ phong trào Đồng khởi (1959-1960), cách mạng miền Nam từng bước “chuyên mình” và phát triển mạnh mẽ. Mỗi bước tiến của cách mạng miền Nam gắn bó mật thiết với nguồn lực chi viện từ hậu phương lớn miền Bắc. Từ đây, đường Trường Sơn từng bước phát triển đáp ứng yêu cầu chi viện cho miền Nam, phục vụ cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc. Có thể khẳng định rằng: Sự phát triển của đường Trường Sơn gắn liền với sự lớn mạnh của cách mạng miền Nam. Nhưng đối với Mỹ, chừng nào đường Trường Sơn còn tồn tại – đồng nghĩa với mối quan ngại sâu sắc hàng đầu của Mỹ vẫn dai dẳng.

Chuyển từ hình thái “chiến tranh đặc biệt” sang hình thái “chiến tranh cục bộ”, Mỹ quyết trực tiếp sử dụng lực lượng được trang bị hiện đại và vũ lực vượt trội trong cuộc đối đầu với Việt Nam DCH. Đó là cuộc đối đầu giữa một bên đầy mạnh thực hiện nhiệm vụ chi viện chiến lược trên đà phát triển về thế và lực cách mạng (những năm 1964-1965), bên còn lại dựa trên ưu thế mọi mặt của siêu cường khối TBCN tham vọng đạt được những mục tiêu trong kế hoạch ngăn chặn. Vì lẽ đó, điều tất yếu về một cuộc chiến cực kỳ khốc liệt thuộc không gian đường Trường Sơn dù sớm hay muộn ắt cũng diễn ra. Đây là cuộc chiến tranh đánh phá hệ thống hậu cần chiến lược có quy mô

lớn hiêm có trong lịch sử quân sự thế giới. Bởi lẽ, Mỹ đã huy động và triển khai tổng lực, có hệ thống và bài bản, đưa cuộc chiến tranh ngăn chặn từ những phương thức thông thường đến cuộc chiến tranh mang tính tự động hóa khá cao. Dù lúc này, Việt Nam DCCCH vẫn ở trình độ phát triển của một nước nông nghiệp và tiềm lực vật chất còn thấp.

**2. Cuộc chiến chống Mỹ ngăn chặn đường Trường Sơn là một bộ phận khăng khít của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.** Thực hiện nhiệm vụ vận tải quân sự chi viện chiến lược là yêu cầu cấp bách và xuyên suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975). Sự phát triển của cách mạng miền Nam gắn chặt với tính liên tục và lớn mạnh của hoạt động trên tuyến chi viện Trường Sơn. Đó là sự đảm bảo mang tính kết nối chiến lược giữa hậu phương lớn miền Bắc với tiền tuyến lớn miền Nam. Với vị trí và vai trò của mình, sự độc đáo của tuyến vận tải quân sự chi viện chiến lược Trường Sơn vừa ở chỗ là hệ thống hậu cần tiếp tế then chốt, cũng là một chiến trường đặc biệt khốc liệt, đồng thời còn là hướng tiến công uy lực, có tính đột phá cao. Nơi đây diễn ra cuộc đọ sức mang tính toàn diện, quy mô lớn giữa lực lượng cách mạng và phản cách mạng.

Về phía Mỹ và đồng minh, việc tiến hành cuộc chiến tranh ngăn chặn đường Trường Sơn có tác động chung đến các chính sách của Mỹ tại VNCH và rộng hơn là bán đảo Đông Dương. Với Việt Nam DCCCH, chiến trường đặc thù trên tuyến vận tải quân sự chi viện chiến lược Trường Sơn cùng tiền tuyến lớn miền Nam, hậu phương lớn miền Bắc và các chiến trường khác là nơi “chia lửa” trong cuộc chiến đấu toàn diện, ác liệt và mang tính sống còn tại nhiều khu vực của bán đảo Đông Dương.

Không chỉ đơn thuần là tuyến vận tải quân sự trọng yếu, đường Trường Sơn cũng chính là một hướng quan trọng thu hút và tiêu diệt sinh lực đối phương với nguồn vũ khí, khí tài lớn, hiện đại bậc nhất lúc bấy giờ. Sự tiến triển của cuộc chiến đấu chống ngăn chặn tại đây có tác động đa chiều, đặt trong thế trận chung của cả cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

**3. Cuộc chiến đấu chống ngăn chặn của bộ đội Trường Sơn trải qua những thử thách khốc liệt chưa từng có trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc.** Sự khốc liệt đó không những thể hiện qua số lượng bom đạn dội xuống Trường Sơn, mà còn

thể hiện ở nhiều khía cạnh khác, như: sự tinh vi và mức sát thương của bom đạn với cường độ cao, mật độ dày đặc, đáng chú ý là xuất hiện nhiều loại bom mìn thế hệ mới (“thông minh”); là cuộc chiến tranh đã khai thác nhiều hóa chất tinh vi hay về chiến trường điện tử – tự động hóa tinh xảo và rất đáng gờm, v.v.

Đối mặt với sức mạnh của Mỹ, bộ đội Trường Sơn bước vào cuộc chiến đấu sòng còn bằng tinh thần “dám đánh, biết đánh, quyết đánh và quyết thắng”. Đây là sự kế thừa của truyền thống yêu nước quật cường hàng ngàn năm của dân tộc Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Lao động Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, lòng yêu nước được phát huy ở tầm thế cao hơn, trở thành chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Bằng quyết tâm lớn, bản lĩnh vững vàng, lòng dũng cảm, sự mưu trí và sáng tạo, bộ đội Trường Sơn đã từng bước khắc chế, tiến lên đánh bại cuộc chiến tranh ngăn chặn của Mỹ. Thắng lợi to lớn đó gắn bó mật thiết với việc đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ vận tải quân sự chi viện chiến lược cho cách mạng miền Nam và các chiến trường khác tại Đông Dương. Phải khẳng định rằng: Đánh thắng cuộc chiến ngăn chặn của Mỹ đối với tuyến vận tải quân sự chi viện chiến lược Trường Sơn là một thành tựu mang tầm cao trí tuệ và bản lĩnh con người Việt Nam; đó là chiến thắng của tư duy tổng hợp biện chứng trong lí luận và nghệ thuật quân sự Việt Nam trước tư duy, lí luận tuyến tính, thiên về kỹ thuật của đối phương; là chiến thắng của sức mạnh ý chí – tinh thần quật khởi trước sức mạnh vật chất hiện đại của đế quốc Mỹ.

Bên cạnh những thành quả đạt được, trong thực hiện nhiệm vụ, bộ đội Trường Sơn cũng có một số hạn chế. Với tinh thần nghiêm túc phê bình và từng bước cải thiện, chất lượng hoạt động của toàn Đoàn trong cuộc chiến đấu chống Mỹ ngăn chặn đã được nâng lên. Điều đó minh chứng qua sự phát triển của hệ thống vận tải quân sự chi viện chiến lược Trường Sơn – đường Hồ Chí Minh trong giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1973-1975).

**4. Thắng lợi của cuộc chiến đấu chống Mỹ ngăn chặn đường Trường Sơn còn là thành quả chung của quân và dân ba nước Đông Dương.** Sự phát triển của tuyến vận tải quân sự chi viện chiến lược

Trường Sơn gắn bó mật thiết với quá trình đấu tranh cách mạng của quân, dân ba nước Đông Dương.

Kể từ khi “lật cánh” sang phía Tây Trường Sơn (1961), tuyến vận tải quân sự chi viện chiến lược từng bước vươn sâu, vươn xa về phía Trung và Nam Lào, đến cả vùng Đông Bắc Campuchia. Sự phát triển đó phản ánh nhu cầu tất yếu của tuyến hậu cần chiến lược cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Đồng thời, đây cũng là minh chứng sinh động phản ánh những đòi hỏi khách quan trong yêu cầu chi viện của cách mạng Lào và Campuchia.

Sự giúp sức của Nhân dân Lào và Campuchia nơi tuyến đường đi qua và vùng hành lang xung quanh đã được thể hiện trên nhiều khía cạnh. Trong đó, nếu không có sự “đồng tâm hiệp lực” của Nhân dân Lào và Campuchia thì hệ thống đường chi viện Trường Sơn khó có thể mở rộng và củng cố. Đối mặt với sự đánh phá ngăn chặn khốc liệt của Mỹ cùng đồng minh, nếu thiếu đi sự “đồng cam cộng khổ” của Nhân dân Lào và Campuchia thì cuộc chiến đấu đảm bảo cho tuyến hậu cần chiến lược được thông suốt ắt trở nên cam go hơn gấp bội. Không những vậy, sự can thiệp sâu của Mỹ vào nội bộ Lào (kể từ 1962) và Campuchia (kể từ 1970) khiến nội tình của mỗi nước phức tạp hơn. Do đó, cuộc đấu tranh chính nghĩa vì độc lập của Nhân dân hai nước bị tác động đa chiều, gặp nhiều khó khăn nếu thiếu đi tuyến tiếp tế chiến lược. Vì vậy, tuyến hậu cần chi viện chiến lược Trường Sơn càng giữ vai trò trung tâm, mang tính tất yếu và then chốt cho quân và dân ba nước Đông Dương đẩy mạnh cuộc đấu tranh cách mạng vì mục tiêu chung.

Diễn hình như những năm 1970-1971, sự phối hợp chặt chẽ của quân và dân ba nước Đông Dương đã làm nên những thành quả to lớn, đánh bại từng bước chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, “Lào hóa chiến tranh” và “Khe-me hóa chiến tranh” của Mỹ. Cho nên, việc đảm bảo cho sự thông suốt của tuyến vận tải quân sự chi viện chiến lược Trường Sơn đi qua địa bàn ba nước Đông Dương càng mang ý nghĩa chiến lược. Thắng lợi này góp phần vun đắp nên tượng đài bằng vàng về tình đoàn kết hữu nghị đặc biệt của dân tộc Việt Nam – Lào – Campuchia trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

*5. Cuộc chiến tranh ngăn chặn và chống ngăn chặn đường Trường Sơn để lại những bài học lịch sử sâu sắc cho*

*công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hôm nay và mai sau.* Từ thực tiễn sinh động của bộ đội Trường Sơn, trước hết và trên hết đó là việc quán triệt sâu sắc, vận dụng linh hoạt chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng trong thực hiện nhiệm vụ vận tải quân sự chi viện chiến lược.

Trải qua cuộc chiến đấu chống Mỹ ngăn chặn khốc liệt tại Trường Sơn, chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam được hun đúc, phát huy rõ nét và đã giành thắng lợi. Điều đó càng khẳng định về tầm quan trọng của nhân tố con người trong chiến tranh. Con người khi được trang bị đầy đủ, đúng đắn và kịp thời về chính trị – tư tưởng, được tôi rèn trong thực tiễn đa chiều, trưởng thành trong môi trường đấu tranh cách mạng trở thành chủ thể tích cực góp phần xoay chuyển thế trận, làm chủ vũ khí, phương tiện, từng bước đạt được những thành tựu trong sự nghiệp cách mạng. Thắng lợi và những bài học xương máu của cuộc chiến đấu chống Mỹ ngăn chặn đường Trường Sơn (1965-1973) để lại những bài học kinh nghiệm thực tiễn về xây dựng, củng cố và luôn luôn sẵn sàng đối với cơ sở hạ tầng giao thông vận tải trong điều kiện có chiến tranh (nếu xảy ra ở tương lai); về nghệ thuật lãnh đạo, chỉ huy; về tổ chức – phát triển lực lượng đảm bảo hậu cần chiến lược và nghệ thuật tác chiến, nhất là hiệp đồng binh chủng quy mô lớn trong vận tải quân sự với thế trận chiến tranh nhân dân.

Trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc ngày nay, công tác chính trị – tư tưởng càng cần được chú trọng sâu sắc. Nổi bật lên trong thực hành tác chiến, bảo đảm chiến đấu là sự vận dụng linh hoạt tư tưởng tiến công cách mạng – “hạt nhân” cho sự phát triển của quá trình đấu tranh. Trên cơ sở đó, bài học về đánh giá đúng tương quan lực lượng, về các yếu tố khách quan khác, về phát triển thế trận giao thông vận tải, về tổ chức, bố trí lực lượng và cao nhất là vận hành hiệu quả phương thức tác chiến hiệp đồng binh chủng trong thế trận quốc phòng toàn dân – an ninh nhân dân vẫn luôn còn nguyên giá trị.

Với bối cảnh hiện nay, điều đó càng trở nên cấp thiết để đáp ứng những đòi hỏi khi thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa. Vận dụng vào thực tiễn, nhiệm vụ xây dựng và củng cố hệ thống hậu cần chi viện chiến lược vẫn tiếp tục được quan tâm thực

hiện. Điều đó thể hiện sự quán triệt sâu sắc và quá trình thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, trong thời gian tới là Nghị quyết Đại hội XIV, Nghị quyết 05-NQ/TW về tổ chức Quân đội Nhân dân Việt Nam giai đoạn 2021-2030 và những năm tiếp theo (17-1-2022), Nghị quyết 1658-NQ/QUTW về lãnh đạo công tác hậu cần Quân đội Nhân dân Việt Nam đến năm 2030 và những năm tiếp theo (20/2/2022), Nghị quyết 230-NQ/QUTW về lãnh đạo thực hiện tổ chức Quân đội Nhân dân Việt Nam giai đoạn 2021-2025 và những năm tiếp theo (2-4-2022), Nghị quyết 44-NQ/TW về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Nỗ lực đồng bộ này của toàn hệ thống chính trị nhằm phấn đấu đến năm 2030 xây dựng Quân đội Nhân dân Việt Nam cách mạng, chính quy, tinh nhuệ và hiện đại. Trong đó đảm bảo vững chắc, thường xuyên và hiệu quả về nhiệm vụ hậu cần – kỹ thuật là một trụ cột then chốt của nền quốc phòng toàn dân – an ninh nhân dân.

Cho đến hôm nay và mai sau, đường Trường Sơn – đường Hồ Chí Minh mãi mãi là một trong những biểu tượng điển hình chói lọi của dân tộc Việt Nam quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ, của ý chí kiên cường, bất khuất, mang trí tuệ tâm cao của tư duy tổng hợp, sáng tạo, của thể trận chiến tranh nhân dân vô song và khát vọng thiêng liêng ngàn đời: *thống nhất đất nước*.

Với sứ mệnh của mình, đường Trường Sơn – đường Hồ Chí Minh tiếp tục giữ vai trò trọng yếu trong chiến lược phát triển kinh tế – quốc phòng của nước nhà. *Non sông liền một dải, hệ thống đường Trường Sơn – đường Hồ Chí Minh cùng toàn dân tộc vững vàng tiến bước vì một Việt Nam hòa bình và thịnh vượng, vì hạnh phúc của Nhân dân*.

## DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

### ***I. Kết quả nghiên cứu bằng tiếng Việt***

- [1]. Trương Tiến Đạt (2021). Tổng Tư lệnh – Đại tướng Võ Nguyên Giáp với tư tưởng tiên công của bộ đội Trường Sơn trong những năm chống Mỹ ngăn chặn 1965-1973. *Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Đại tướng Võ Nguyên Giáp – Thiên tài quân sự của Việt Nam và thế giới”*, Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 8-2021, 416-425.
- [2]. Trương Tiến Đạt (2022). *Hoạt động nguy trang của bộ đội Trường Sơn trong những năm 1965 đến 1973*. Đề tài khoa học công nghệ cấp Trường năm 2022. Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế.
- [3]. Trương Tiến Đạt (2022). Tác chiến phòng không bảo vệ đường Trường Sơn qua một số tài liệu của Mỹ (1965-1973). *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học quốc gia các nhà khoa học Trẻ năm 2022*, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế, tháng 12-2022, 40-45.
- [4]. Trương Tiến Đạt (2023). Hoạt động nguy trang của bộ đội Trường Sơn trong những năm 1965-1973 qua một số tài liệu Mỹ. *Tạp chí Khoa học – Trường Đại học Sư phạm – Đại học Huế*. Được xác nhận đăng vào tháng 1-2023.
- [5]. Trương Tiến Đạt (2024). Sự sáng tạo của bộ đội Trường Sơn trong phương thức vận chuyển đường thủy và đường ống xăng dầu (1965-1972) qua một số tài liệu Mỹ. *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học quốc gia các nhà khoa học Trẻ năm 2024*, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế, tháng 12-2024, 1-8.
- [6]. Hoàng Chí Hiếu – Trương Tiến Đạt (2024). Hoạt động của Bộ đội Trường Sơn những năm 1971-1975 qua một số công trình nghiên cứu nước ngoài. *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học quốc gia “Vai trò Bộ đội Trường Sơn trong các chiến dịch lớn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước từ năm 1971 đến 1975”*, Viện Lịch sử Quân sự – Hội Truyền

thống Trường Sơn – Đường Hồ Chí Minh Việt Nam – Binh đoàn 12, NXB Dân Trí, Hà Nội, 231-248.

- [7]. Trương Tiến Đạt (2025). Bộ đội Trường Sơn vận dụng tư tưởng tiến công trong tác chiến phòng không giai đoạn 1965-1973. *Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Khoa học Xã hội và Nhân văn*. Tập 134 (Số 6Đ, 2025), 5-20.

## ***II. Kết quả nghiên cứu bằng tiếng Anh***

- [8]. Trương Tiến Đạt (2022). Implement political - ideological education mission for Trường Sơn soldiers in the years 1965-1973. *2<sup>nd</sup> International Conference on Culture and Education (ICCE 2021)*, Hue University Publisher, Hue, 434-448.
- [9]. Hoàng Chi Hieu – Trương Tiến Đạt (2024). Educated Trường Sơn soldiers through reality (1965-1972) - Some experience for teaching experiential activities in Vietnam nowadays. *Proceedings 10<sup>th</sup> The International Conference on Education Reform “Quality Assurance Standards for Teacher Education”*, Faculty of Education Mahasarakham – Mahasarakham University, Thailand, 94-105.

**HUE UNIVERSITY  
UNIVERSITY OF EDUCATION**

**Truong Tien Dat**

**THE WAR AGAINST U.S INTERDICTION OF  
TRUONG SON ROUTES  
– HO CHI MINH ROUTES  
IN THE YEARS 1965-1973**

**ABSTRACT  
DOCTORAL THESIS  
VIETNAMESE HISTORY**

*Hue, 2026*

**HUE UNIVERSITY  
UNIVERSITY OF EDUCATION**

**Truong Tien Dat**

**THE WAR AGAINST U.S INTERDICTION OF  
TRUONG SON ROUTES  
– HO CHI MINH ROUTES  
IN THE YEARS 1965-1973**

**Major: Vietnamese History  
Code: 9229013**

**Scientific supervisions:  
Assoc. Prof. Dr. Hoang Chi Hieu  
Assoc. Prof. Dr. Truong Cong Huynh Ky**

*Hue, 2026*

## INTRODUCTION

### **1. Reasons for choosing the topic**

As a historical rule, the rear area is always a decisive factor in determining the outcome of a war. During the resistance war against the U.S for national salvation (1954-1975), the North Vietnamese rear, tasked with building socialism, was identified as the factor of "decisive significance for the development of the entire Vietnamese revolution and the cause of national reunification" [39, p. 917]. However, the vital question was how to transport comprehensive power, most fundamentally and primarily manpower and material resources from the Northern rear to the Southern battlefield. In directing the revolutionary war, the Party Central Committee Politburo early on decided to establish a strategic route to funnel the strength of great rear into the South. General Vo Nguyen Giap, one of the primary leaders/commanders/architects of this routes [60, p. 304], affirmed: "This was one of the factors of decisive strategic significance that led our nation's great resistance to total victory" [20, p. 18].

Initiated in 1959, by the victorious conclusion of the war in 1975, a comprehensive strategic logistics system had been established, including: Land transport routes across the Truong Son mountains, maritime transport routes, fuel pipelines, air routes and currency transfer channels. Among these, the overland Truong Son routes alone, with 5 longitudinal and 21 latitudinal axes, became "a complex labyrinth of road networks through dense jungles" [157, p. 46]. Recognizing that Truong Son routes's role threatened the survival of the Republic of Vietnam (RVN) regime, the U.S launched a massive interdiction campaign. The White House mobilized nearly the full force of its industrial might, its top political, military, and scientific minds, and a colossal military machine. The interdiction of the Truong Son routes reached its peak in late 1968 with the large-scale deployment of high-tech warfare. The U.S mobilized a massive war machine comprising nearly all branches: Marines, infantry, paratroopers, air force (strategic, naval, and marine aviation), artillery, engineers, and

commandos. Air assets were heavily deployed from airfields in Tactical Zone I, Tan Son Nhut, Guam, Okinawa, and bases in Thailand, utilizing advanced weaponry: Electronic sensors and reconnaissance aircraft. Attack aircraft equipped with high-tech systems and airborne relays, 175 mm artillery ("king of the battlefield"). New-generation munitions: cluster bombs, laser-guided bombs, and magnetic bombs. The use of defoliants (herbicides) and even weather modification. This integrated system was designed to detect any infiltration or transport along the routes and subject it to the immense destructive power of modern ordnance. Truong Son routes truly became a "giant laboratory" for American interdiction capabilities.

To ensure this vital artery never ceased to flow, the total strength of the nation was mobilized under the leadership of the Party, the Central Military Commission, and the Ministry of Defense. Through collective wisdom, heroic fighting spirit, and selfless labor, the forces on the Truong Son routes remained steadfast in their motto: "Fight the enemy to move forward; clear the roads to advance!" and "No sacrifice is too great to keep the roads open". Truong Son routes became a legendary road – a strategic masterpiece of anti-interdiction warfare and an embodiment of the patriotism and indomitable will of Vietnamese people. It stands as a brilliant symbol of the aspiration for national reunification. From the victory against U.S interdiction efforts, many valuable lessons can be drawn for the current cause of building and defending the Fatherland. So, research on this topic has been a truly meaningful work.

*Regarding scientific significance:* The thesis systematically studies the U.S interdiction war for Truong Son routes and the war against the interdiction by Truong Son soldiers (1965-1973), draws out the characteristics, results and historical significance.

*Regarding practical significance:* The thesis draws lessons that contribute to the ongoing construction and defense of the Vietnamese Fatherland. It also provides valuable scientific materials for research, preservation, and historical education, particularly for the younger generation.

For these reasons, I chose the topic "**The war against U.S interdiction of Truong Son routes – Ho Chi Minh routes in the years 1965-1973**" as my doctoral thesis in history, major in Vietnamese History.

## **2. Research purposes and tasks**

### **2.1. Research purposes**

Recreating the panoramic picture of interdiction and anti-interdiction war for Truong Son routes (1965-1973), draw the characteristics, historical significance and lessons.

### **2.2. Tasks**

(1) Collecting and systematize relevant literature to provide a comprehensive literature review of the research field. (2) Forming a system of scientific theses, including: The birth and development context of Truong Son routes; the U.S interdiction purposes and methods (1965-1973); the policy of the Democratic Republic of Vietnam (DRV) and solutions against the interdiction. (3) Drawing comments and lessons learned.

## **3. Research objects and scope**

### **3.1. Research objects**

The struggle against U.S interdiction by the Truong Son forces (1965-1973) involved the regular armed forces, young volunteers, frontline laborers operating on the routes, and the local inhabitants residing along its one.

### **3.2. Scope**

(i) *In terms of space*: Focus on typical interdiction and anti-interdiction key points at the entrance to the Western Truong Son, the Southern and Northern areas of route 9<sup>th</sup>, and the Central and Southern Laos region. (ii) *In terms of time*: From 3<sup>rd</sup> April, 1965 to 22<sup>nd</sup> February, 1973. (iii) *In terms of content*: Focus on the U.S interdiction purposes for Truong Son routes and its tricks; Truong Son soldiers – the key force against the interdiction and drawing out characteristics, historical significance and lessons.

## **4. Sources of materials and research methods**

### **4.1. Sources of materials and research methods**

(i) Archives of the Democratic Republic of Vietnam and the Republic of Vietnam (RVN). (ii) Published works and research articles published in specialized journals (Vietnamese and English). (iii) Sources of information from witness interviews, memoirs, documentary photos and the internet.

### **4.2. Research methods**

The dissertation employs the methodological framework of dialectical materialism and historical materialism. It applies the following research methods: Historical method, logical method, classification method, historical criticism method, analytical method, historical comparison method, documentary comparison method, statistical method, witness interview method, expert method and synthesis and evaluation method.

## **5. Contributions of the thesis**

(i) This dissertation constitutes a systematic scholarly study of the interdiction and counter-interdiction war on Truong Son routes (1965-1973), clarifying the objectives behind the U.S interdiction efforts, the methods and means employed, and reconstructing the counter-interdiction struggle waged by Truong Son forces, with particular focus on typical key nodes and clusters of critical points along the routes. (ii) It identifies the main characteristics and assesses the historical significance of the interdiction and counter-interdiction war on Truong Son routes (1965-1973). (iii) It draws lessons learned that contribute to the current task of national construction and defense. (iv) It contributes to more in-depth scholarly research on the resistance war against the U.S for national salvation (1954–1975); supplements source materials for research and the preservation of historical sites related to Truong Son routes and provides scientific reference materials for history education, particularly for the younger generation.

## **6. Thesis structure**

In addition to the introduction (8 pages), conclusion (6 pages), references (23 pages) and appendix, the thesis has 115 pages, including 4 chapters: “**Chapter 1.** Overview of the research subject” (14 pages), “**Chapter 2.** the U.S interdiction for Truong Son routes (1965-1973)” (35 pages), “**Chapter 3.** Anti-imperialist activities against the U.S interdiction for Truong Son routes (1965-1973)” (43 pages) and “**Chapter 4.** Some comments and lessons learned” (23 pages).

## CONTENT

### CHAPTER 1

#### OVERVIEW OF THE RESEARCH SUBJECT

##### **1.1. The research subject**

During the resistance war against the U.S for national salvation (1954–1975), Truong Son routes served as a strategic transport system of paramount importance to the revolution in South Vietnam. Consequently, the U.S and the Republic of Vietnam (RVN) government anticipated that failure to interdict this route would lead to immeasurable consequences. Between 1965 and 1973, the U.S mobilized its colossal military might to disrupt and block Truong Son routes. Only by ensuring seamless logistics, engaging in combat, and triumphing over this interdiction warfare could the Truong Son soldiers fulfill their strategic mission. Therefore, researching the struggle against U.S interdiction efforts, primarily spearheaded by Group 559 (1965-1973), is of practical significance, contributing to the clarification of several aspects that previous studies have yet to fully address.

##### **1.2. Research status**

###### **1.2.1. About the U.S interdiction war of Truong Son routes**

There are still few domestic studies that approach this issue from this perspective, or do so in a systematic manner. Existing research is predominantly foreign, and it tends to focus in depth on air force operations, high-technology warfare, special operations forces, reconnaissance and intelligence activities, and the U.S of chemical agents.

###### **1.2.2. On the fight against the U.S interdiction of Truong Son routes and ensure the smooth operation of the system**

Many domestic studies are either highly general in nature or focus primarily on specific branches and units within Truong Son forces.

### **1.2.3. On the role and significance of the struggle against the U.S interdiction of Truong Son routes for national reunification effort**

Most of these works are synthetic overviews, and the analysis of the role and significance of this aspect has not been examined in depth.

### **1.3. Research results and issues that need further research**

Up to now, research on Truong Son routes has been not a completely new topic. However, when approaching previous works, the effectiveness of the anti-interdiction war has not been fully studied and evaluated. Abroadly, the assessment of the tactics's effectiveness aim at blocking Truong Son routes has been still limited. However, those works are a necessary source of reference materials, providing more objective basis for the thesis research.

From the above presentations, the author's thesis realizes that there are still issues that need further research and boldly delve into research and clarification, especially during the years 1965-1973 when the interdiction and anti-interdiction war was the most fierce, that is: (i) Explaining the U.S purposes of interdicting (ii) Recreating the U.S interdiction for Truong Son routes (1965-1973). (iii) Reenact the fight against this war in the years 1965-1973. (iv) Draw out the characteristics, historical significance, and lessons learned.

## **CHAPTER 2**

### **THE U.S INTERDICTION OF TRUONG SON ROUTES (1965-1973)**

#### **2.1. Historical background**

##### **2.1.1. International context and the U.S strategy of containing communism**

After World War II, the containment of communism became the U.S foremost strategic objective. Vietnam emerged as a primary focus of U.S containment efforts in Southeast Asia. Meanwhile, divergences and growing disagreements gradually emerged within the socialist bloc, particularly between the Soviet Union and China.

##### **2.1.2. Request for reinforcement of revolution in South Vietnam after Genève Agreement**

The revolution in the South faced mounting difficulties. In response, Resolution No.15 of the Party Central Committee clearly outlined the path forward for the Southern revolution. As the 17<sup>th</sup> Parallel became a temporary military demarcation line, finding a route to funnel aid from the North to the South became an urgent priority.

Throughout Vietnam's history of struggle against foreign invasion, the paths traversing the rugged Truong Son mountains have played a vital role in the flow of manpower and resources. During the resistance against the French (1945–1954), communication lines along Truong Son range were established, linking resistance bases across the country and extending into Central and Lower Laos as well as Northeast Cambodia. These historical precedents served as the blueprint for opening the trail during the anti-American resistance. Ultimately, the birth of Truong Son routes was a historical necessity.

##### **2.1.3. Strategic military transportation and logistical support along Truong Son routes prior to 1965**

Within five years (1959-1964), following initial surveys, Group 559 transitioned from manual portering to a combination of field-road construction for motor vehicles and river transport across a distance of nearly 2,000 km. During this period, the unit delivered 2,912 tons of supplies to various battlefields and

ensured the safe passage of over 12,000 officers and soldiers. Its personnel grew from an initial 500 to over 8,000 [34, p. 129].

Starting with rudimentary transport, the unit began integrating and developing motorized transport at the regimental scale, gradually building a combined-arms force comprising transport, infantry, engineers, and anti-aircraft units. The expansion of the Truong Son strategic military supply line and the growth of Group 559 during this phase were instrumental to the "transformation" of the revolution in the South. It can be affirmed that the development of Truong Son routes prior to 1965 served as the fundamental prerequisite, preparing the groundwork for subsequent advancements in strategic military logistics.

## **2.2. The U.S interdiction war for Truong Son routes**

### **2.2.1. Purposes of interdiction**

The U.S concentrated its resources on attacking Truong Son routes with the aim of "severing the support from the Great Rear, consolidating the positions of the U.S and the Rightist Lao factions, and isolating the revolution in the South (emphasis added)" while forcing Hanoi to pay a "heavy price." These "strikes" were intended to stabilize the situation for the Republic of Vietnam (RVN) and bolster the morale of the Saigon army to sustain the war effort [107, p. 370; 169, p. 103].

Between 1965 and 1973, the U.S asserted that "interdiction has become a primary campaign aimed at sealing off Ho Chi Minh Trail and other major supply routes of the adversary (DRV – author's note)" [29, p. 244]. Regarding the situation in Laos, the U.S further sought to "encroach upon and attack liberated zones, particularly in Central and Lower Laos, to block our (DRV - author's note) strategic transport routes". In Cambodia, the U.S calculated to drive the DRV "out of Cambodia, annihilate the Cambodian revolutionary movement, and swiftly establish a new strategic defense line in Southeast Asia to contain revolutionary movements" [45, pp. 224-225].

### **2.2.2. Methods of interdiction**

From the mid-1960s, the U.S progressively mobilized vast resources and employed various tactics to interdict Truong Son routes. During the 1965-1968 period, the U.S launched

fierce aerial bombardments against key choke points and clusters, primarily at the entry passes to the West Truong Son range, Northern and Southern areas of 9<sup>th</sup> route, and Central-Lower Laos.

From late 1968, with the establishment of the McNamara Line and the implementation of the Igloo White program, the U.S officially deployed an electronic and automated battlefield to enhance the efficiency of its interdiction war. The electronic sensor system planted along Truong Son routes was, in essence, a high-tech intelligence-gathering tool. By integrating this intelligence through specialized aircraft to the Infiltration Surveillance Center (ISC) at Nakhon Phanom (Thailand) and then to strike aircraft, the U.S created a seamless, closed-loop network utilizing the most sophisticated and modern interdiction methods of the era.

Also starting in late 1968, the U.S adjusted its aerial strike plans by deploying air forces to operate according to the seasonal transport cycles on the routes. Furthermore, the U.S utilized chemical agents through defoliation operations (Operation Ranch Hand) and executed highly sophisticated weather modification programs (Operation Popeye and Commando Lava). In addition to using aircraft for the aforementioned interdiction activities, millions of leaflets were dropped to conduct psychological warfare. Regarding ground forces, the U.S carried out small-scale operations (reconnaissance and commandos) as well as numerous clearing operations of varying scales. The most prominent of these was Operation Lam Son 719, which involved a massive mobilization of resources and ambitious strategic goals.

Consequently, Truong Son routes became a theater of a comprehensive, total-force interdiction war, characterized by unprecedented sophistication and ferocity. This complex array of challenges presented a monumental obstacle for the Truong Son soldiers in their struggle against U.S interdiction efforts between 1965 and 1973.

**CHAPTER 3**  
**ACTIVITIES AGAINST THE U.S IMPERIALISM**  
**INTERDICTION OF**  
**TRUONG SON ROUTES**  
**(1965-1973)**

**3.1. Party policies and strategic direction**

The forces intensified combat operations, consolidated the theater to be comprehensive and strong, coordinated closely with other battlefields, and mobilized all units on the routes to resist interdiction through diverse and effective methods. To thoroughly grasp and realize the Party's directives, the rigorous selection and appointment of officers from the Party Committee and Command of Group 559 down to the Logistics Lines (*Tuyén*), Commo-logistics Stations (*Binh trạm*), and individual units were treated as a top priority. The cadre source for the Group consisted of individuals with revolutionary ethics, integrity, and professional competence, seconded or supplemented by the General Command from Northern agencies, Ministry of Defense departments, various military branches and services, as well as civilian and Party officials.

To strengthen internal development, the Party Committee and Command of Group 559 issued specialized resolutions on cadre work, consistently focusing on training sources for regimental, divisional, and equivalent levels in combined-arms command proficiency. The leadership of the Central Party Committee and the Central Military Commission was consistently operationalized by the Group's Party Committee and Command through "Action Resolutions" and the timely assessment of practical realities.

On this basis, the Group's Party Committee and Command provided swift directives to address the fierce American bombardment. Furthermore, adjustments and lessons-learned sessions were conducted after every transport campaign or "General Offensive" throughout the shipping season to continuously enhance the operational quality of the entire line.

### **3.2. Consolidation and development of Truong Son force**

The forces implemented synchronized and effective political and ideological education, established a robust organizational structure ensuring both quantity and quality and maintained the living standards for personnel across the entire line, while coordinating closely with the Laos and Cambodian revolutions.

Generally, if the total personnel of Group 559 in 1965 is taken as a baseline of 1, the figures show consistent annual growth through 1973. By 1968, the force had increased 2,3 times. The growth rate surged between 1969 and 1973; specifically, it rose to 4,9 times in 1971, 5,4 times in 1972, and reached 6 times the baseline by 1973 [79, pp. 274-276].

The general trend for each specialized branch within the Truong Son forces also showed annual expansion. On average, transport personnel were balanced at 21,72%, while combat and support forces accounted for 54,82% [16, pp. 578-579]. Fundamentally, the annual variance in organizational staffing remained minimal, which strengthened the Group's overall force while avoiding disruptions to the equilibrium of the entire strategic line.

Across the network from 1965 to 1973, there was a notable shift in organizational form, evolving from Logistics Lines (Tuyến) to Commo-logistics Stations (Binh trạm). As the organization matured, the Truong Son forces transitioned into the Regional Division model. Furthermore, there was a constant synergy between stationary forces and mobile forces. Stationary forces consisted of Commo-logistics Stations staffed with prescribed technical branches, while mobile forces were specialized regiments or divisions deployed to specific areas based on urgent operational requirements. These two forces complemented each other in fulfilling strategic supply missions and resisting interdiction [69, p. 90]. To defeat the U.S interdiction war and accelerate strategic support, Truong Son forces also prioritized the activities of medical units and liaison (commo-postal) services to safeguard the quality and health of their human resources.

### **3.3. Development of a counter-interdiction posture**

This was a people's war posture characterized by combined, flexible, and persistent strength: ensuring a robust transportation system; diversifying transport methods; and executing brilliant camouflage and deception tactics. This effort was closely coordinated with Laos and Cambodian revolutions, featuring masterfully organized combined-arms operations, proactive countermeasures, and sharp offensives that secured final victory.

The expansion of longitudinal, latitudinal, and bypass routes showed a consistent upward trend across three key periods (1965-1966, 1967-1968, and 1971-1972). The increasing ratio of bypass roads relative to main routes reflected the upgrading of the network to meet the objective demands of strategic supply, especially in the face of increasingly fierce U.S interdiction.

About diversification of transport methods: Motorized transport remained the core, supported by ever-evolving tactics. Between 1969 and 1973, as the war of interdiction intensified, concealing and preserving forces became paramount. Waterway transport and fuel pipelines were two other critical methods developed in tandem. By mastering natural laws, Truong Son soldiers "harnessed" river currents as an effective means of transport. Creative efforts included the construction of canals, dams, and bamboo or stone grids to manage water flow and cargo distribution.

Furthermore, the deployment of a strategic fuel pipeline caught the U.S by surprise. This pipeline added a unique "assault thrust" to the overall offensive posture. Its operation reduced reliance on traditional methods that were prone to high risks and losses, while ensuring enough fuel to increase the total motorized fleet capacity by 25-30%. In combat, camouflage and deception became a distinct mode of resistance, preserving forces while enhancing transport efficiency. Combined-arms operations on the routes centered on the "truck-engineer-artillery" (xe-công-pháo) triad, where transport was the nucleus supported by engineering and anti-aircraft forces.

About “Command, Control, and Communications” (C3): Command focused on the principle of continuous and direct oversight, enabled by a communication network reaching down to Commo-logistics Stations and traffic control posts. Ultra-shortwave radio networks ensured seamless connectivity between stations, key choke points, artillery positions, and infantry. Using 1965 as a baseline 1, communication equipment grew exponentially: by 1968, it had increased 17-fold. Most notably, by 1971, 1972, and 1973, these figures surged to 60, 67, and 76 times the baseline, respectively [61, p. 69; 79, pp. 274-276].

Beside that, anti-aircraft defense and the "hidden routes" system: Air defense was a life-or-death priority. The deployment of anti-aircraft artillery (AAA) and 12,7 mm machine guns reflected a massive effort to protect the line. Compared to 1965, the number of AAA pieces tripled by 1968, reached 6,3 times by 1970, and peaked at 8 times by 1972. The birth of the "hidden routes" (đường kín) system created a new strategic posture, with a 250 km frontage and six routes crossing the Truong Son range to connect with the West. On these hidden roads, trucks operated day and night under dense forest canopies to evade aerial detection. At night, convoys continued on "open routes" (đường hở), using camouflage and decoys to lure AC-130 gunships into lethal traps set by anti-aircraft units. By 30<sup>th</sup> January, 1972, the "hidden routes" system was fully operational, reducing transport time by 10-20 days. In the 1971-1972 dry season, it carried 72.441 tons (145% of the target) and handled 71% of the logistics required for the 1972 Strategic Offensive.

Throughout the struggle (1965–1973), Truong Son soldiers defeated every enemy tactic, from mid-to-large-scale clearing operations and commando raids to high-tech aerial strikes. Most notably, they neutralized and bankrupted the sophisticated "electronic-automated battlefield." Statistics show that between 1965 and 1973, Truong Son forces eliminated over 15.500 enemy personnel and downed or damaged over 900 U.S aircraft [8, p. 101]. The failure of ground incursions (culminating in Operation Lam Son 719), the cessation of

Commando Hunt VII, and the end of Operation Igloo White signaled the total collapse of the U.S interdiction campaign.

By maintaining and expanding this vital artery, Truong Son soldiers fulfilled their key logistical mission. The volume of supplies in Phase 3 (1969-1972) was 33 times that of Phase 2, and 180 times that of Phase 1 [59, pp. 48-49]. This success not only fueled the revolution in South Vietnam but also served as a strategic logistics source for the revolutionary struggles of Laos and Cambodian peoples during the 1973–1975 period.

## **CHAPTER 4**

### **SOME COMMENTS AND LESSONS LEARNED**

#### **4.1. Characteristics**

The war unfolded across a vast geographical space, was continuous and intense, involved the mobilization of large-scale resources, employed a wide diversity of counter-interdiction measures and featured close solidarity among three Indochinese countries.

#### **4.2. Historical significance**

Kept an iconic symbol of the great resistance war; fulfilled the mission of strategic military supply and transportation route; contributed to drawing and attriting enemy forces; and fostered significant advances in Vietnamese military art.

#### **4.3. Lessons learned**

Thoroughly internalizing and effectively applying the Party's guidance on the offensive spirit in carrying out this mission; emphasizing the human factor while strengthening organization and force development to ensure the successful fulfillment of the strategic military transportation and supply mission; proactively engaging with operational realities to defeat all schemes and methods aimed at interdicting the strategic military transportation system amid rapid advances in hi-tech war conditions; strengthening and consolidating the solidarity and alliance among Vietnam, Laos and Cambodia.

## CONCLUSION

1. *In order to interdict the support from the North to the South revolution, since 1965, US imperialism conducted a comprehensive war of aggression. In which, Truong Son routes became key point of interdiction. After Genève Agreement (21-7-1954), The 17<sup>th</sup> parallel was gradually considered by the U.S and RVN as a "border" to realize the long-term intention of turning South Vietnam into a separate country in the "free world". The 17<sup>th</sup> parallel from a temporary military demarcation line became a place to divide the country. It deeply affected the thoughts and aspirations of most compatriots, cadres and soldiers. Entering the resistance war against the U.S, national salvation was to continue to carry out the people's national democratic revolution in the South, also to protect the independence of DRV.*

The Resolution No.15 of the Party Central Committee opened a new step forward for the development direction of the Vietnamese revolution. From Dong khoi movement (1959-1960), the Southern revolution gradually "transformed" and developed strongly. Each step forward of the Southern revolution was closely linked to the support resources from the large rear in the North. From here, Truong Son routes gradually evolved to response the supporting demand for the South, serving the war of national liberation. It can be affirmed that: The development of Truong Son routes was closely attached to the growth of Southern revolution. However, the U.S top concern will persist as long as Truong Son routes still exists.

Switching from a "special war" to a "local war", the U.S decided to directly employ forces equipped with modern equipment and superior force in the confrontation with DRV. It was a confrontation between one side pushing to carry out the strategic support mission on the path of developing revolutionary position and strength (1964-1965), the other side based on the all-round superiority of the capitalist superpower with the ambition to achieve the goals in the interdiction plan. For that reason, the inevitability of an extremely fierce war in Truong Son space sooner or later would occur. This was a war

to destroy the strategic logistics system on a large scale, rare in the history of world military. Because the U.S had mobilized and deployed all its forces, systematically and methodically, bringing the interdiction war from conventional methods to a highly automated war. Although at this time, DRV was still at the development level of an agricultural country and its potential was still low.

2. *The war against the U.S interdiction for Truong Son routes was an integral part of the resistance war against the U.S, national salvation.* Carrying out the task of transporting strategic military support was an urgent and continuous requirement throughout the resistance war against the U.S, national salvation (1954-1975). The development of the Southern revolution was closely linked to the continuity and growth of activities on Truong Son routes. It was a guarantee of strategic connection between the great rear base and the great front line. With its position and role, the uniqueness of Truong Son strategic military support routes was both a key logistics supply system and a particularly fierce battlefield. This was where a comprehensive, large-scale confrontation happened between revolutionary and counter-revolutionary forces.

On the U.S and its allies' side, the interdiction war for Truong Son routes had a general impact on U.S policies in RVN and more broadly the Indochina peninsula. For DRV, the special battlefield on Truong Son strategic military transport routes, along with the large southern front, the large northern rear and other battlefields, was the place to share the fire in the comprehensive and fierce battle in many areas of the Indochina one.

Not only the key military transport line, but Truong Son routes was also an important direction to attract and destroy the enemy's forces with the largest, most modern weapons and equipment at that time. The anti-interdiction progress had a multi-dimensional impact, placed in the general situation of the resistance war against the U.S, national salvation.

3. *The anti-interdiction fight of Truong Son soldiers went through unprecedented fierce challenges in the history of the nation's resistance to foreign invasion.* That fierceness was not

only shown through the number of bombs and shells dropped on Truong Son, but also in many other aspects, such as: the sophistication and lethality of high-intensity, dense bombs and shells, notably the appearance of many new-generation ("smart" bombs and mines); sophisticated chemical warfare or delicate and formidable electronic and automated battlefields, etc.

Facing the U.S power, Truong Son soldiers entered the battle for survival with the spirit of "dare to fight, know how to fight, fight and win". This's the inheritance of the thousand-year tradition of the Vietnamese people's indomitable patriotism. Under the leadership of the Vietnam Workers' Party and President Ho Chi Minh, patriotism was developed to a higher level, becoming revolutionary heroism. With great determination, courage, intelligence and creativity, Truong Son solders defeated the U.S interdiction war. That victory was accompanied by the strengthening of the military transportation mission, which provided strategic support to the South and other battlefields across Indochina. It must be affirmed that: Truong Son strategic military transport system was one of the great works of the 20<sup>th</sup> century, representing the intellectual height and mettle of the Vietnamese People when defeating the modern material strength of the U.S empire.

Along with the achievements, Truong Son soldiers also had some limitations in the mission. With the spirit of serious criticism and gradual improvement, the quality of the entire Corps' activities was improved. That was demonstrated through the development of the military transport system to provide strategic support to Truong Son routes – Ho Chi Minh routes in the final stage of the resistance war against the U.S, national salvation (1973-1975).

4. *The victory of the war against the U.S interdiction for Truong Son routes was also a common achievement of the army and people of the three Indochinese countries.* The development of Truong Son strategic military support transport line was closely linked to the revolutionary struggle of the army and People of the three Indochinese countries.

Since the "turning" to the West of Truong Son (1961), the strategic military support transport line gradually extended deep

and far to the Central and Southern Laos, even to the northeastern region of Cambodia. That development reflected the inevitable need for a strategic logistics routes in the resistance war against the U.S, national salvation. At the same time, this was also a vivid demonstration reflecting the objective requirements in the support requests of the Laos and Cambodian revolutions.

The support of Laos and Cambodian People where the routes passed through and the surrounding corridor was demonstrated in many aspects. In particular, without the "unanimity and cooperation" of Laos and Cambodian people, Truong Son support routes system would encounter difficulties for expanding and consolidating. Faced with the fierce U.S bombing and blockade, without the "sharing the same fate" of Laos and Cambodian People, the fight to ensure the continuity of the strategic logistics line would have been much more difficult. Not only that, the deep intervention of the U.S in Laos internal (since 1962) and Cambodian internal affairs (since 1970) made the internal situation of each country more complicated. Therefore, the just struggle for independence of the Peoples of the two countries was affected in multiple dimensions and faced many difficulties due to the absence of a strategic supply line. Consequently, Truong Son routes became the central and indispensable strategic logistical line for the armed forces and Peoples of the three Indochinese countries in their common struggle for a shared goal.

Typically, in the years 1970-1971, the close coordination between the army and people of the three Indochinese countries made great achievements, gradually defeating the U.S strategy of "Vietnamization of the war", "Laoization of the war" and "Khmerization of the war". Therefore, ensuring the smooth operation of Truong Son strategic military transport line through the three Indochinese countries held even greater strategic significance. This victory contributed to building a golden monument to the special solidarity and friendship of the Vietnamese, Laos and Cambodian peoples in the resistance war against the U.S, national salvation.

5. *The war to interdict and counter-interdict Truong Son routes left profound historical lessons for the cause of building and defending the socialist Vietnamese Fatherland today and in the future.* From the vivid practice of Truong Son soldiers, first and foremost is the deep understanding and flexible application of Marxism-Leninism, Ho Chi Minh's thought and the Party's revolutionary line in carrying out the task of transporting strategic military support.

Through the life-and-death struggle in Truong Son, revolutionary heroism was clearly fostered and promoted. That further affirms the importance of the human factor in war. When this factor are fully, correctly and promptly equipped with political and ideological knowledge, are tempered in multi-dimensional practice, and mature in the revolutionary struggle environment, they become active subjects contributing to turning the tide of battle, mastering weapons and means, and gradually achieving achievements in the revolutionary cause. The victories and painful lessons of the war against the U.S interdiction for Truong Son routes (1965-1973) left behind practical experiences in building transport infrastructure in wartime conditions, the art of leadership, command, organization and development of forces to ensure strategic logistics and the art of combat, especially the coordination of arms in military transport.

In the cause of defending the Fatherland today, political and ideological work needs to be given more attention. Standing out in combat practice and ensuring combat is the flexible application of revolutionary offensive ideology – the core for the struggle process development. On that basis, the correctly assessing lessons for the correlation of forces, other external factors, developing the routes and bridges battle, organizing and arranging forces and, most importantly, effectively operating the method of arms coordination in the national defense and people's security battle has been still valuable. In the current context, it is even more urgent to meet the requirements when carrying out the task of protecting the Fatherland early and from afar.

Applied to current practice, the task of building and strengthening the strategic logistics support system continues to be invested. This demonstrates the profound understanding and serious implementation of Resolution of the 13<sup>th</sup> National Party Congress, in the period ahead, the Resolution of the 14th National Party Congress, Resolution 05-NQ/TW on the organization of the Vietnam People's Army for the period 2021-2030 and the following years (17<sup>th</sup> January, 2022), Resolution 1658-NQ/QUTW on leading the logistics work of the Vietnam People's Army until 2030 and the following years (20<sup>th</sup> February, 2022), Resolution 230-NQ/QUTW on leading the implementation of the organization of the Vietnam People's Army for the period 2021-2025 and the following years (April 2<sup>nd</sup>, 2022), Resolution 44-NQ/TW on the strategy to protect the Fatherland in the new situation. This synchronous effort of the entire political system aims to strive to build a revolutionary, disciplined, elite and modern Vietnam People's Army by 2030. In which, ensuring the solid, regular and effective logistics and technical tasks is a key pillar of the national defense and people's security.

Until today and tomorrow, Truong Son routes – Ho Chi Minh routes will forever be one of the shining typical symbols of the Vietnamese People's determination to fight and defeat the U.S, the steadfast and indomitable will, the high intelligence of the comprehensive and creative thinking, the unparalleled People's war strategy and the eternal sacred aspiration: *national unification*.

With the country united as one, Truong Son routes – Ho Chi Minh routes continues to play a key role in the economic and defense development strategy of the country. *Truong Son routes – Ho Chi Minh routes system, together with the entire nation, firmly moves forward for a peaceful and prosperous Vietnam, for the happiness of the People.*

## LIST OF PUBLISHED WORKS

### ***I. Research results in Vietnamese***

[1]. Truong Tien Dat (2021). Commander-in-Chief – General Vo Nguyen Giap with the offensive ideology of Truong Son troops in the years of fighting against the U.S interdiction 1965-1973. *Proceedings of the Scientific Conference “General Vo Nguyen Giap – Military genius of Vietnam and the world”*. Ho Chi Minh City University of Technical Education. Ho Chi Minh City National University Publishing House. Ho Chi Minh City. August 2021, 416-425.

[2]. Truong Tien Dat (2022). *Camouflage activities of Truong Son troops during the years 1965 to 1973*. School-level science and technology topic in 2022. Hue University of Education. 2022.

[3]. Truong Tien Dat (2022). Combated by anti-aircraft system protected Truong Son routes through some American documents (1965-1973). *Proceedings of the National Scientific Conference for Young Scientists in 2022*. Hue University of Education. December 2022, 40-45.

[4]. Truong Tien Dat (2023). Camouflage activities of Truong Son soldiers in the years 1965-1973 through some American documents. *Journal of Science – Hue University of Education*. Confirmed for publication in January 2023.

[5]. Truong Tien Dat (2024). Truong Son soldiers’s creation in waterway and petrol pipeline method (1965-1972) through some American documents. *Proceedings of the National Scientific Conference for Young Scientists in 2024*. Hue University of Education. December 2024, 1-8.

[6]. Hoang Chi Hieu – Truong Tien Dat (2024). Activities of Truong Son soldiers in the years 1971-1975 through some foreign research works. *Proceedings of the National Scientific Conference “The role of Truong Son troops in major campaigns of the resistance war against the U.S, national salvation from 1971 to 1975”*. Institute of Military History – Truong Son Tradition Association – Vietnam Ho Chi Minh Routes – Army Corps 12. Dan Tri Publishing House, Hanoi, 231-248.

[7]. Truong Tien Dat (2025). Truong Son troops applied offensive ideology in air defense operations, 1965-1973. *Hue University Journal of Science: Social Sciences and Humanities*. No. 134 (6D-2025), 5-20.

### ***II. Research results in English***

[8]. Truong Tien Dat (2022). Implement political - ideological education mission for Truong Son soldiers in the years 1965-1973. *2<sup>nd</sup> International Conference on Culture and Education (ICCE 2021)*. Hue University Publisher, Hue, 434-448.

[9]. Hoang Chi Hieu – Truong Tien Dat (2024). Educated Truong Son soldiers through reality (1965-1972) - Some experience for teaching experiential activities in Vietnam nowadays. *Proceedings 10<sup>th</sup> The International Conference on Education Reform “Quality Assurance Standards for Teacher Education”*. Faculty of Education Mahasarakham – Mahasarakham University. Thailand, 94-105.